

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

DANH MỤC THIẾT BỊ ĐÀO TẠO
NGÀNH CNKT CƠ KHÍ

1. Phòng thực hành máy vi tính

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
1	Máy vi tính	Bộ	19	19	
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	1	
3	Bộ phần mềm văn phòng	Bộ	1	1	
4	Bộ phần mềm phonng chữ tiếng Việt	Bộ	1	1	
5	Phần mềm diệt virus	Bộ	1	1	
6	Scanner	Chiếc	1	1	
7	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	1	1	
8	Máy in	Chiếc	1	1	

2. Phòng học ngoại ngữ

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
1	Bàn điều khiển	Chiếc	1	1	
2	Khối điều khiển trung tâm	Chiếc	1	1	

3	Phần mềm điều khiển (LAB)	Bộ	1	1	
4	Khối điều khiển thiết bị ngoại vi	Bộ	1	1	
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	1	
6	Máy vi tính	Bộ	19	19	
7	Tai nghe	Bộ	19	19	
8	Scanner	Chiếc	1	1	
9	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	1	1	

3. Phòng kỹ thuật cơ sở

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	1	
2	Máy vi tính	Bộ	1	1	
3	Bảng di động	Chiếc	1	1	
4	Bộ mô hình các cơ cấu điển hình	Bộ	1	0	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Mô hình bánh răng di trượt	Bộ	1	0	
	Mô hình cơ cấu đảo chiều	Bộ	1	0	
	Mô hình cơ cấu then kéo	Bộ	1	0	
	Mô hình cơ cấu nooc tông	Bộ	1	0	
	Mô hình cơ cấu Mallt	Bộ	1	0	
5	Bộ mô hình các cơ cấu chuyển động	Bộ	1	0	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Cơ cấu tay quay con trượt	Bộ	1	0	
	Cơ cấu cam	Bộ	1	0	

	<i>Cơ cấu Cu lít</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Cơ cấu bánh răng trụ</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Cơ cấu bánh răng nón</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Cơ cấu bánh răng - thanh răng</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Cơ cấu bánh răng vi sai</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Cơ cấu vít me đai ốc</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Cơ cấu đai truyền</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Cơ cấu ly hợp</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
6	Mô hình cơ cấu kẹp chặt chi tiết	Bộ	1	0	
7	Mô hình định vị vật thể	Bộ	1	0	
8	Mô hình các chi tiết định vị	Bộ	1	0	
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>				
	<i>Chi tiết định vị mặt phẳng</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Chi tiết định vị mặt trụ ngoài</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Chi tiết định vị mặt trụ trong</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
9	Bộ mô hình đồ gá	Bộ	1	0	
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>				
	<i>Đồ gá khoan</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Đồ gá tiện</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Đồ gá phay</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Đồ gá bào</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Đồ gá lắp ráp</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Đồ gá kiểm tra</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
10	Các loại mối ghép cơ khí	Bộ	1	0	
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>				
	<i>Mối ghép trụ trơn (lắp lỏng, lắp chặt, lắp trung gian)</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Mối ghép then (then bằng, then hoa)</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	

	Mối ghép ren	Bộ	1	0	
	Mối ghép đinh tán	Bộ	1	0	
	Mối ghép hàn	Bộ	1	0	
	Mối ghép ổ lăn	Bộ	1	0	
11	Tủ đựng dụng cụ	Chiếc	1	1	
12	Bộ dụng cụ cứu thương	Bộ	1	1	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Nẹp cứu thương	Bộ	1	1	
	Panh, kéo	Bộ	1	1	
	Tủ thuốc	Chiếc	1	1	
	Cáng cứu thương	Chiếc	1	1	
13	Bộ dụng cụ phòng cháy, chữa cháy	Bộ	1	1	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Bình xịt bột	Bình	1	1	
	Bình khí CO ₂	Bình	1	1	
	Bảng tiêu lệnh chữa cháy	Bộ	1	1	
14	Bảo hộ lao động	Bộ	1	1	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	1	1	
	Mũ bảo hộ lao động	Chiếc	1	1	
	Kính bảo hộ trắng	Chiếc	1	1	
	Mặt nạ hàn	Chiếc	1	1	
	Găng tay sợi	Đôi	1	1	
	Găng tay hàn	Đôi	1	1	
	Khẩu trang	Chiếc	1	1	
	Giày bảo hộ	Đôi	1	1	
	Dây an toàn	Bộ	1	1	

4. Xưởng cơ khí cơ bản

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
1	Máy vi tính	Bộ	1	1	
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	1	
3	Máy khoan bàn	Chiếc	1	1	
4	Máy khoan đứng	Chiếc	1	1	
5	Máy cưa càn	Chiếc	1	1	
6	Máy mài 2 đá	Chiếc	1	1	
7	Máy nén khí	Chiếc	1	1	
8	Máy hàn điện	Chiếc	3	3	
9	Máy cắt sắt	Chiếc	1	1	
11	Ca bin hàn	Chiếc	3	3	
12	Quạt hút	Chiếc	3	3	
13	Đe nguội	Chiếc	3	3	
14	Bàn máp	Chiếc	1	1	
15	Bàn nguội	Bộ	1	1	
16	Tủ đựng dụng cụ	Chiếc	2	2	
17	Bộ dụng cụ đo, kiểm cơ khí	Bộ	3	3	
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>				
	<i>Thước lá</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Thước kiểm phẳng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Thước kiểm thẳng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Thước cặp</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Thước cặp điện tử</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Pan me đo ngoài</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Pan me đo trong</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	

	<i>Ke vuông</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Thước đo góc vạn năng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Đồng hồ so</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Calíp ren</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Dưỡng kiểm bước ren</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Trục kiểm</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Căn mẫu</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Mẫu so độ bóng</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Căn lá</i>	<i>Bộ</i>	<i>3</i>	<i>3</i>	
18	Bộ dụng cụ vạch dấu	Bộ	19	19	
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>				
	<i>Căn phẳng</i>	<i>chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Mũi vạch</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Chấm dấu</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Com pa vạch</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Búa nguội</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Đài vạch dấu</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Khối D</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Khối V đơn</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Khối V kép</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
19	Bộ dụng cụ đục	Bộ	19	19	
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>				
	<i>Đục bằng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Đục nhọn</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Đục đầu cong</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
20	Bộ dụng cụ giũa cầm tay	Bộ	19	19	
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>				

	<i>Giữa dẹt</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Giữa bán nguyệt</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Giữa tròn</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Giữa tam giác</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Giữa vuông</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
22	Giữa kỹ thuật	Bộ	1	1	
23	Cửa cầm tay	Chiếc	19	19	
24	Bộ dụng cụ gia công ren	Bộ	6	6	
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>				
	<i>Tay quay tarô</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Tay quay bàn ren</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Bàn ren ống cầm tay</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
25	Bộ dụng cụ cạo	Bộ	19	19	
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>				
	<i>Dao cạo mặt phẳng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Dao cạo mặt cong</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Ô kiểm</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
26	Thước đo mối hàn	Chiếc	1	1	
27	Bộ dụng cụ hàn	Bộ	3	3	
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>				
	<i>Búa gỗ xỉ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Kìm rèn</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Kính hàn điện</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Búa nguội</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Gang tay da</i>	<i>Đôi</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Gang tay sợi</i>	<i>Đôi</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Đục bằng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Bàn chải sắt</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	

28	Kìm kẹp phôi	Chiếc	4	4	
29	Căn đệm	Bộ	2	2	
31	Bộ dụng cụ tháo lắp cơ khí	Bộ	3	3	

5. Xưởng gia công trên máy vạn năng

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
1	Máy vi tính	Bộ	1	1	
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	1	
3	Máy tiện vạn năng	Chiếc	3	9	
4	Máy phay vạn năng	Chiếc	3	5	
6	Máy mài 2 đá	Chiếc	1	1	
7	Máy cắt sắt	Chiếc	1	3	
8	Đầu phân độ	Chiếc	3	3	
9	Dao sửa đá mài	Bộ	1	0	
10	Tủ đựng dụng cụ	Chiếc	2	15	
11	Bộ dụng cụ đo, kiểm cơ khí	Bộ	3	3	
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>				
	<i>Thước lá</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Thước kiểm phẳng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Thước kiểm thẳng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Thước cặp</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Thước cặp điện tử</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Pan me đo ngoài</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Pan me đo trong</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Ke vuông</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Thước đo góc vạn năng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	

	<i>Đồng hồ so</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Calíp ren</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Dưỡng kiểm bước ren</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Trục kiểm</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Căn mẫu</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Mẫu so độ bóng</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Căn lá</i>	<i>Bộ</i>	<i>3</i>	<i>0</i>	
12	Bộ dụng cụ tháo lắp cơ khí	Bộ	3	0	
13	Bàn máp	Chiếc	1	1	
14	Máy mài sửa dao đa năng	Bộ	1	1	
15	Máy khoan bàn	Bộ	2	2	
17	Bàn nguội	Bộ	1	1	
18	Bộ dụng cụ gia công ren	Bộ	6	1	
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>				
	<i>Tay quay tarô</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Tay quay bàn ren</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Bàn ren ống cầm tay</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	

6. Xưởng gia công trên máy CNC

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
1	Máy vi tính	Bộ	19	4	
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	1	
3	Máy in	Chiếc	1	1	
4	Hệ thống mạng LAN	Bộ	1	1	
5	Máy phay CNC	Chiếc	1	3	
6	Máy tiện CNC	Chiếc	1	1	

7	Máy mài 2 đá	Chiếc	1	1	
8	Máy nén khí	Chiếc	1	1	
9	Bàn mấp	Chiếc	1	1	
10	Tủ đựng dụng cụ	Chiếc	2	2	
11	Bộ dụng cụ đo, kiểm cơ khí	Bộ	1	1	
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>				
	<i>Thước lá</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Thước kiểm phẳng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Thước kiểm thẳng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Thước cặp</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Thước cặp điện tử</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Pan me đo ngoài</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Pan me đo trong</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Ke vuông</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Thước đo góc vạn năng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Đồng hồ so</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Calíp ren</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Dưỡng kiểm bước ren</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Trục kiểm</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Căn mẫu</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Mẫu so độ bóng</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Căn lá</i>	<i>Bộ</i>	<i>3</i>	<i>3</i>	
12	Bộ dụng cụ tháo lắp cơ khí	Bộ	1	0	
13	Phần mềm CAD/CAM	Bộ	1	0	
14	Máy <u>mài sửa</u> dao đa năng	Chiếc	1	1	
15	Bàn nguội	Chiếc	2	2	
16	Khối V	Bộ	1	0	

7. Phòng kỹ thuật đo lường

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng		
1	Máy vi tính	Bộ	1	1	
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	1	
3	Máy đo độ nhám	Chiếc	1	0	
4	Máy đo CMM	Chiếc	1	0	
5	Máy đo độ rung	Chiếc	1	0	
6	Bộ mẫu so độ nhám	Bộ	1	0	
7	Bàn mấp	Chiếc	1	1	
8	Khối V	Bộ	1	0	
9	Bàn vẽ kỹ thuật	Chiếc	19	0	
10	Bộ bàn gá chống tâm	Bộ	1	0	
11	Các loại mối ghép cơ khí	Bộ	3	0	
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>				
	<i>Mối ghép trụ tron (lắp lỏng, lắp chặt, lắp trung gian)</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Mối ghép then(then bằng, then hoa)</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Mối ghép ren</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Mối ghép ổ lăn</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
12	Chi tiết cơ khí điển hình	<i>Bộ</i>	<i>3</i>	<i>0</i>	
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>				
	<i>Chi tiết dạng càng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Chi tiết bạc</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Chi tiết trục tron</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Chi tiết trục bạc</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	

	<i>Chi tiết ren</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Bánh răng</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>		
13	Tủ đựng dụng cụ	Chiếc	2	1	
14	Thước đo modul bánh răng	Chiếc	3	0	
15	Bộ dụng cụ tháo lắp cơ khí	Bộ	3	0	
16	Bộ dụng cụ vẽ kỹ thuật	Bộ	18	0	
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>				
	<i>Thước thẳng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Thước chữ T</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Thước cong</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Com pa</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Ê ke</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Thước đo độ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
17	Bộ dụng cụ đo, kiểm cơ khí	Bộ	3	3	
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>				
	<i>Thước lá</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Thước kiểm phẳng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Thước kiểm thẳng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Thước cặp</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Thước cặp điện tử</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Pan me đo ngoài</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Pan me đo trong</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Ke vuông</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Thước đo góc vạn năng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Đồng hồ so</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Calíp ren</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Dưỡng kiểm bước ren</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	

	<i>Trục kiểm</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Căn mẫu</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Mẫu so độ bóng</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Căn lá</i>	<i>Bộ</i>	<i>3</i>	<i>0</i>	
	<i>Ni vô khung</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Ni vô thanh</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Bộ dưỡng kiểm tra răng</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	

8. Xưởng lắp ráp và bảo trì thiết bị

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
1	Máy vi tính	Bộ	1	1	
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1	1	
3	Máy tiện vạn năng	Chiếc	1	1	
4	Máy phay vạn năng	Chiếc	1	1	
5	Máy bào	Chiếc	1	0	
6	Máy nén khí	Chiếc	1	1	
7	Kích thủy lực	Chiếc	2	0	
8	Xe kích thủy lực	Chiếc	1	1	
9	Pa lăng xích	Chiếc	1	1	
10	Cụm chi tiết máy truyền chuyển động tịnh tiến	Cụm	3	0	
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>				
	<i>Bộ truyền động vít me-đai ốc</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Bộ truyền động trục vít-thanh răng</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Bộ truyền động bánh răng-thanh răng</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Cơ cấu cam</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	

	<i>Ổ lăn</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Ổ trượt</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
11	Cụm chi tiết truyền chuyển động quay	Cụm	3	0	
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>				
	<i>Bộ truyền đai</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Bộ truyền xích</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Bộ truyền bánh răng</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Bộ truyền bánh vít-trục vít</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Ổ lăn</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Ổ trượt</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
12	Tủ đựng dụng cụ	Chiếc	2	15	
13	Bộ dụng cụ tháo lắp cơ khí	Bộ	3	0	
14	Bộ dụng cụ làm sạch bằng khí nén	Bộ	1	0	
15	Bộ dụng cụ đo, kiểm cơ khí	Bộ	3	0	
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>				
	<i>Thước lá</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Thước kiểm phẳng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Thước kiểm thẳng</i>		<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Thước cặp</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Thước cặp điện tử</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Pan me đo ngoài</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Pan me đo trong</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Ke vuông</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Thước đo góc vạn năng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Đồng hồ so</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	
	<i>Căn lá</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	

	<i>Ni vô khung</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Ni vô thanh</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Đồng hồ so đo ngoài</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
	<i>Đồng hồ so mỏ cong</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	
16	Vam 2 châu	Bộ	2	0	
17	Vam 3 châu	Bộ	2	0	
18	Bàn gá tháo lắp	Chiếc	2	0	
19	Búa nguội	Chiếc	3	0	
20	Bộ dụng cụ kê đỡ		2	0	
	<i>Mỗi bộ bao gồm</i>				
	<i>Khối V đơn</i>	<i>Chiếc</i>	<i>2</i>	<i>0</i>	
	<i>Khối V kép</i>	<i>Chiếc</i>	<i>2</i>	<i>0</i>	